

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD1 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067201507 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030295	36CXD1	Ph m H©Vi t	Anh	17/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3671030072	36CXD1	Vñ C»ng Tu n	Anh	07/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3671030049	36CXD1	H Qu c	B o	14/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
4	3671030215	36CXD1	H V½Qu c	B o	20/09/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
5	3671030209	36CXD1	Tr n Huy	B o	12/03/1993				3.0			3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
6	3671030067	36CXD1	Phan Bá	C u	23/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671030243	36CXD1	Nguy n Th	Chi n	28/02/1993				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
8	3671030111	36CXD1	Lĩ Th	Di n	25/08/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
9	3671032025	36CXD1	Hunnh Qu c	ñ t	21/11/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
10	3671030227	36CXD1	Bùi Phan Tín	ñ »ng	24/08/1994				3.0			3.0	0.9	0.5	0.4	1.3	
11	3671030297	36CXD1	Lĩ Vñ	ñ c	17/09/1991				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
12	3671030296	36CXD1	Nguy n VIO	ñ c	16/08/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
13	3671030306	36CXD1	Ph m Tr ng	H u	08/09/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
14	3671030268	36CXD1	Nguy n	Hoàng	24/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
15	3671030042	36CXD1	ñ ©n Quang	Huy	25/08/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3671030122	36CXD1	L² ã c	Huy	12/02/1993				4.0			4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
17	3671030157	36CXD1	Lê Quang	Huy	16/07/1994				1.0			1.0	0.3	2.0	1.4	1.7	N HP
18	3671030258	36CXD1	Tñg Thanh	Hùng	10/05/1992				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
19	3671030175	36CXD1	Ng» ã nh	H ng	02/01/1992				0.0			0.0	0.0	5.0	3.5	3.5	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201507 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030229	36CXD1	Ph m Ch ấ	H ng	10/12/1994				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
21	3671032053	36CXD1	Ng» H ng	Kha	13/11/1993				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
22	3671030256	36CXD1	Ph m An	Khang	05/09/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
23	3671031909	36CXD1	V ấ Ch n	Khang	14/07/1994				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
24	3671030279	36CXD1	Hu nh ấ »ng	Khoa	10/02/1993				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
25	3671031630	36CXD1	Ng» Vi t	L ấ m	15/02/1990				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3671030188	36CXD1	L ng Ho ấ ng	L c	20/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671030096	36CXD1	ấ Nh t	Minh	14/09/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
28	3671031936	36CXD1	Nguy n Ho ấ ng	Nam	17/11/1994				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
29	3671030154	36CXD1	Nguy n Nh t	Nam	20/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
30	3671030099	36CXD1	V ồ Ho ầ ng	Nam	26/08/1994				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
31	3671030286	36CXD1	Nguy n Th	N t	11/10/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
32	3671030069	36CXD1	ấ Tr ng	Nguyên	04/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
33	3671030263	36CXD1	Lê Minh	Nh t	22/08/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
34	3671030191	36CXD1	Hu nh B ch Duy	Phát	06/05/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
35	3671030225	36CXD1	Nguy n H u	Phi n	24/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
36	3671030152	36CXD1	Nguy n Th ấ nh	Phúc	16/07/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
37	3671030102	36CXD1	D ng Trung	Qu c	01/01/1994				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
38	3671030138	36CXD1	Nguy n B o	Qu c	17/10/1994				4.0			4.0	1.2	10.0	7.0	8.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201507 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031864	36CXD1	Nguy n V ấ R t	09/02/1994				5.0			5.0	1.5	9.0	6.3	7.8	
40	3671030222	36CXD1	Nguy n Danh Tài	06/06/1994				4.0			4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
41	3671030098	36CXD1	Tr n Ph m Thanh Tài	16/10/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
42	3671030219	36CXD1	Nguy n Thanh T ầ nh	14/09/1991				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HP
43	3671030114	36CXD1	L ấ H nh To ầ n	06/08/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
44	3671030031	36CXD1	Nguy n Anh Tu n	06/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
45	3671030241	36CXD1	Ph m Duy Tu n	09/03/1994				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
46	3671030298	36CXD1	L ấ Nh t Thanh	03/09/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
47	3671030313	36CXD1	D ầ ng Ng c Th nh	02/03/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
48	3671030309	36CXD1	L ấ H ng Th nh	22/09/1994				2.0			2.0	0.6	7.0	4.9	5.5	
49	3671030163	36CXD1	Lê Xu ầ n Th ồ ng	01/01/1994				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
50	3671030315	36CXD1	Phan Minh Th	01/03/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
51	3671030305	36CXD1	Nguy n T n Th c	15/06/1994				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
52	3671030116	36CXD1	Nguy n Thanh Tr ng	02/11/1994				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
53	3671031974	36CXD1	Nguy n V ấ Tr ng	11/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
54	3671030303	36CXD1	Nguy n Qu c Trung	27/09/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
55	3671030301	36CXD1	Tr ng Ho ấ Tr ng	09/08/1994				4.0			4.0	1.2	10.0	7.0	8.2	
56	3671030046	36CXD1	Tr n Anh V ầ O	01/02/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	

T ñg s : 56 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa